

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Triển khai Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng về loại hình, phân bố hợp lý về cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng, miền; chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, phân tầng chất lượng; đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao cho phát triển địa phương trong từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025:

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề của địa phương đang phát triển, có công - nông nghiệp theo hướng hiện đại.

* Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025:

- Trên địa bàn tỉnh có 21 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đó: 02 trường Cao đẳng, 01 trường Trung cấp, 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập 03, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập 6); các cơ sở khác có tham gia giáo dục nghề nghiệp: 09.

- Phân đầu có 01 trường Cao đẳng nghề chất lượng cao và 01 trường Cao đẳng y tế.

- Quy mô đào tạo: Đào tạo trên 9.000 người/năm (Trong đó trình độ Trung cấp, Cao đẳng: 1.200 người; đào tạo sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng: trên 7.800 người)

- Theo ngành nghề đào tạo: Bình quân hằng năm đào tạo công nghiệp và xây dựng đạt 2.250 lượt người, chiếm 25%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3.420 lượt người, chiếm 38%; dịch vụ đạt 3.330 lượt người, chiếm 37%.

- Đến năm 2025: Có 380 nhà giáo; phần đầu thu hút 10 chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Ít nhất 60% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN, quốc gia có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

- Cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp: 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn.

- Về diện tích đất xây dựng: Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

- Về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, các công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Khoảng 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm theo ngành, nghề đào tạo.

- Khoảng 85% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030:

Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề của nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

* Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030:

- Trên địa bàn tỉnh có 22 cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đó: 02 trường Cao đẳng, 01 trường Trung cấp, 9 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (Trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập 03, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập 6); các cơ sở khác có tham gia dạy nghề 10.

- Phần đầu trên địa bàn tỉnh có 02 trường chất lượng cao.

- Quy mô đào tạo: Đào tạo trên 9.500 người/năm (Trong đó trình độ Trung cấp, Cao đẳng: 1.500 người; đào tạo sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng: trên 8.000 người).

- Theo ngành nghề đào tạo: Bình quân hằng năm đào tạo công nghiệp và xây dựng đạt 2.660 lượt người, chiếm 28%; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3.325 lượt người, chiếm 35%; dịch vụ đạt 3.515 lượt người, chiếm 37%.

- Đến năm 2030: Có 400 nhà giáo; phần đầu thu hút 20 chuyên gia, người dạy nghề tham gia vào giảng dạy các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Ít nhất 70% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN, quốc gia có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với ngành, nghề giảng dạy.

- Cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp: 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn, có trên 15% có trình độ thạc sĩ trở lên.

- Về diện tích đất xây dựng: Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh đến năm 2030.

- Về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, các công trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Khoảng 90% cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm đủ số lượng và diện tích các công trình; đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng, thiết kế và tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm theo ngành, nghề đào tạo.

- Khoảng 90% ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn thiết bị đào tạo được đầu tư theo hướng hiện đại, thông minh, xanh phù hợp với công nghệ, kỹ thuật của thực tiễn sản xuất.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao, trở thành địa phương phát triển về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN, bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Rà soát, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy hoạch của tỉnh.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính phù hợp đối với các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, kể cả hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- a) Về phát triển, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề

- Ưu tiên nguồn lực tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, ưu tiên nhà giáo giảng dạy các ngành, nghề trọng điểm tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và các nước phát triển trong nhóm G20 có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhà giáo, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngành, nghề mới mà xã hội có nhu cầu.

- Đẩy mạnh phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề. Hình thành mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường năng lực các cơ sở thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo hướng phù hợp với cơ cấu các ngành, nghề, lĩnh vực

đào tạo và phân bổ hợp lý theo vùng miền, đáp ứng nhu cầu phát triển đội ngũ nhà giáo cả về số lượng và chất lượng.

b) Về phát triển đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực đối với đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo phân tầng chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển về mô hình tổ chức bộ máy, năng lực quản trị, quản trị cơ sở.

- Đẩy mạnh thu hút đội ngũ các nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

- Bố trí quỹ đất để phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với quy hoạch của tỉnh. Bảo đảm ổn định diện tích đất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập hiện có, đẩy mạnh khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, nhất là đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên cơ sở chia sẻ tài nguyên và tối ưu hóa quy trình đào tạo.

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo đạt chuẩn theo quy định, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp; đầu tư các thiết bị mô phỏng cho thực hành, thực tập; phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

4. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa và hạn chế gia tăng ô nhiễm môi trường do hoạt động đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế khác đặc biệt là những ứng dụng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như công nghệ số, công nghệ thực tế ảo, Internet vạn vật...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về mạng lưới giáo dục nghề nghiệp và phát triển, công nhận trình độ kỹ năng; từng bước số hóa, xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông minh, có khả năng kết nối, chia sẻ tài nguyên.

5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

- Đẩy mạnh liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó phát huy vai trò kết nối của các trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong khu vực

ASEAN và thế giới, từng bước tiến tới công nhận kết quả đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trên cơ sở tăng cường hiệu quả liên thông dựa trên khung trình độ quốc gia, chuẩn đầu ra quốc gia, phát triển chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, lượng hóa giá trị đơn vị học tập, công nhận kết quả học tập theo cả trình độ và đơn vị học tập.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp một cách thực chất thông qua các hoạt động liên kết cụ thể. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, gắn với các doanh nghiệp, hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hướng tới đổi mới sáng tạo.

6. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và toàn xã hội về tầm quan trọng, vị trí, vai trò của việc quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nghề góp phần phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực có kỹ năng nghề cao.

- Đẩy mạnh truyền thông về chủ trương, chính sách, cơ chế, đặc biệt là chủ trương, cơ chế, chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Phát triển hệ sinh thái truyền thông phù hợp với phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đối tác. Hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp phù hợp với cơ cấu nguồn nhân lực, việc làm sau đào tạo, vùng kinh tế - xã hội, đồng thời bảo đảm công tác phân luồng hợp lý gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các cơ sở đào tạo trong khu vực ASEAN, các nước thuộc nhóm G20; khuyến khích liên kết đào tạo.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư tài chính và kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ từ các tổ chức giáo dục, đào tạo quốc tế, từ các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển trong khu vực và trên thế giới, nhất là việc xây dựng, vận hành mô hình trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đẩy mạnh thực hiện các hiệp định, thỏa thuận song phương với các đối tác phát triển trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp để tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế; đẩy nhanh quá trình công nhận kỹ năng nghề nghiệp giữa Việt Nam và các nước.

8. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án đầu tư các trường chất lượng cao; đồng thời tập trung nguồn lực cho các cơ sở giáo dục nghề

nghiệp tại các vùng đặc biệt khó khăn, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho các đối tượng đặc thù.

- Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế. Đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân thông qua hỗ trợ về thuế, ưu đãi vốn vay, hỗ trợ bố trí đất để đầu tư, xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, đặc biệt trong việc hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm ASEAN-4 và G20.

9. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Đa dạng hóa mô hình, phương thức quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập dựa trên tính chất, quy mô của cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu phát triển nhân lực và đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

- Đẩy mạnh phân cấp về trách nhiệm, quyền hạn từ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến các cơ quan quản lý các cấp; từng bước thực hiện lộ trình tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn “đầu ra”. Triển khai mô hình quản lý, quản trị, vận hành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo.

10. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát

- Chủ động thực hiện việc rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp tục duy trì, phát triển để đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực theo ngành, lĩnh vực hoặc chuyển về địa phương..

- Rà soát giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động không hiệu quả; duy trì hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

- Không thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, trường hợp cần thiết phải thành lập mới thì cơ sở đó phải tự đảm bảo toàn bộ về tài chính.

- Hỗ trợ tạo điều kiện phát triển, từng bước nâng cao chất lượng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo cho người dân tộc thiểu số; người khuyết tật; các ngành, nghề đặc thù.

- Đẩy mạnh phát triển số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực.

- Xây dựng và ban hành hệ thống quy chế, quy định, tiêu chuẩn nhằm cụ thể hóa các yêu cầu của pháp luật về tổ chức triển khai các hoạt động sau khi quy hoạch được phê duyệt.

- Định kỳ đánh giá, kiểm tra, giám sát việc quy hoạch theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm những nội dung đã được quy hoạch.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.
4. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.
5. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở ngành, cơ quan có liên quan cụ thể hóa thành Kế hoạch nhiệm vụ hằng năm; xây dựng các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về giáo dục nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Đánh giá sơ kết, tổng kết về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan hoàn thiện cơ chế, ban hành chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; xây dựng cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tham mưu kêu gọi, thu hút đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và đơn vị có liên quan tham mưu bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.

5. Ban Dân tộc

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi ở địa phương.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn; cụ thể hóa Kế hoạch vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Trên cơ sở đề xuất đặt hàng của các Sở, ngành, địa phương, tham mưu đề xuất Hội đồng Khoa học tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét các đề xuất đề tài/dự án hoạt động nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

8. Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình Ninh Thuận và các cơ quan thông tấn báo chí

Thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

9. Hội Khuyến học tỉnh

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp vào kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Triển khai quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- Như Mục IV;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXVN. NVT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên